

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *13* /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *08* tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2017;

Sau khi xem xét Tờ trình số 113/TTr-ĐGS ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011-2017.

Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2011-2017, đồng thời thống nhất đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong thời gian tiếp theo. Cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

Trên cơ sở quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Công tác phổ biến, tuyên truyền chủ trương của Đảng, các quy định của pháp luật về khoáng sản đã được quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, các tổ chức, cá nhân về hoạt động khoáng sản.

Công tác lập, phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản được thực hiện theo quy định. Hầu hết các khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác đã được thăm dò, điều tra, đánh giá trữ lượng. Dự án khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được phê duyệt kịp thời để làm cơ sở quản lý, cấp phép và triển khai thực hiện.

Giai đoạn 2011-2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp 56 giấy phép thăm dò khoáng sản, trong đó 54 mỏ đã được phê duyệt trữ lượng, 02 mỏ đang hoàn thiện báo cáo, hồ sơ; 188 giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã được cấp, bao gồm: 23 giấy phép do các Bộ, ngành Trung ương cấp, 165 giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Trong tổng số 188 giấy phép, có 104 giấy phép còn hiệu lực đã và đang khai thác, 32 giấy phép còn hiệu lực chưa khai thác, 52 giấy phép hết hiệu lực; tổ chức 20 phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản với tổng số tiền thu được trên 41 tỷ đồng; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 159 điểm mỏ với tổng số tiền nộp ngân sách là 1.396.801 triệu đồng.

Hầu hết các đơn vị hoạt động khoáng sản đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường theo quy định. Tỉnh đã thực hiện kiểm tra, rà soát hồ sơ đối với 151 mỏ và điểm mỏ về công tác bảo vệ môi trường; thường xuyên thanh tra, kiểm tra kết quả quan trắc môi trường và báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Các đơn vị hoạt động khoáng sản đã nộp các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác là **5.222.384 triệu đồng** (tổng số tiền phải nộp là 5.599.357 triệu đồng) bằng 93,26%. Trong 104 mỏ giấy phép còn hiệu lực đã và đang thực hiện khai thác, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện thủ tục cho 98 mỏ thuê đất với diện tích là **2.564,8** ha. Các đơn vị sau khi ký hợp đồng thuê đất cơ bản đã thực hiện việc quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định về công tác ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khoáng sản; kịp thời ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; tăng cường các biện pháp để phát hiện, xử lý, ngăn chặn các hoạt động khoáng sản trái phép, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản.

Các đơn vị khai thác khoáng sản cơ bản tuân thủ quy trình, quy định trong hoạt động khoáng sản; đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, chấp hành

các quy định về quản lý, bảo quản, sử dụng và vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; đảm bảo chế độ bảo hộ lao động và bảo hiểm cho người lao động.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến hoạt động khoáng sản được thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn, đã tổ chức, thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra 187 lượt mỏ, phát hiện và xử lý nhiều vi phạm.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động khoáng sản có những nội dung triển khai còn chậm; một số tồn tại, vướng mắc chưa được giải quyết kịp thời; công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về khoáng sản trong những năm gần đây tuy đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao.

- Việc xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đầu tư chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm từ khoáng sản và bảo vệ môi trường chưa thực sự đủ sức hấp dẫn để thu hút các doanh nghiệp quan tâm đầu tư.

- Trong tổng số 188 mỏ đã được cấp phép có 32 mỏ chưa triển khai thực hiện; một số mỏ khai thác với công suất, sản lượng vượt giới hạn quy định trong giấy phép; 06 mỏ giấy phép còn hiệu lực đã và đang khai thác nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất; 26 mỏ đã hết thời hạn khai thác nhưng chưa cấp lại giấy phép hoặc chưa thực hiện các thủ tục để đóng cửa mỏ; việc thẩm định hồ sơ thiết kế có điểm mỏ chưa đáp ứng được yêu cầu về khoảng cách an toàn.

- Việc quản lý sản lượng khoáng sản thực tế một số đơn vị chưa đúng quy định tại Điều 42, Điều 43 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Một số đơn vị khai thác khoáng sản chưa chấp hành tốt việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Tính đến ngày 31/12/2017, còn 65 đơn vị khai thác khoáng sản nợ ngân sách nhà nước với tổng số tiền là **376.973 triệu đồng**.

- Công tác giải phóng mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản hầu hết không đạt tiến độ theo kế hoạch.

- Công tác bảo vệ môi trường, quản lý chất thải, xả thải tại một số khu vực khai thác, chế biến khoáng sản chưa tốt, cá biệt có đơn vị còn xả thải trực tiếp chưa qua xử lý ra môi trường, bãi đổ thải ở một số mỏ khai thác hiện đã vượt sức chứa, có nguy cơ sạt lở cao.

- Một số đơn vị khai thác khoáng sản chưa quan tâm thực hiện các biện pháp kỹ thuật để theo dõi, kiểm soát và chịu trách nhiệm về các tác động, ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình khai thác như tình trạng sụt lún, mất nước. Các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thiếu kiểm tra, giám sát và chỉ đạo xử lý kịp thời làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

- Việc hoàn thổ, cải tạo, phục hồi môi trường ở một số mỏ và điểm mỏ chậm được thực hiện; tình trạng khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép vẫn xảy ra.

- Công tác an toàn lao động ở một số đơn vị chưa được quan tâm đúng mức, vẫn để xảy ra một số vụ tai nạn gây thiệt hại cả về người và vật chất.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản một số cơ quan, địa phương hiệu quả chưa cao. Việc chỉ đạo, đôn đốc thực hiện kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản còn chậm.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1 Nguyên nhân khách quan

- Hoạt động khai thác khoáng sản thường được triển khai ở vùng sâu, vùng xa nên công tác quản lý, đầu tư, ứng dụng công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản gặp nhiều khó khăn.

- Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh đa dạng nhưng phân tán nhỏ lẻ, trữ lượng thấp gây khó khăn cho hoạt động khai thác, nhất là việc cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy chế biến sâu khoáng sản.

- Một số giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước thời điểm Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực thi hành nên khi triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc.

- Giá đền bù đất tại các khu vực có mỏ khoáng sản chưa nhận được sự đồng thuận cao, nhất là đối với các mỏ khoáng sản theo quy định các đơn vị khai thác khoáng sản phải tự thỏa thuận giá đền bù với người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Thị trường tiêu thụ khoáng sản trong nước và khu vực thời gian qua có nhiều biến động, nhu cầu tiêu thụ, giá khoáng sản ở một số thời điểm không ổn định.

3.2 Nguyên nhân chủ quan

- Trách nhiệm quản lý của một số cơ quan của tỉnh và chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã nơi có hoạt động khoáng sản có thời điểm chưa cao; sự phối hợp giữa các ngành chức năng với chính quyền địa phương ở một số nơi chưa chặt chẽ.

- Một số địa phương có nhiều hoạt động khoáng sản còn thiếu cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản.

- Ý thức chấp hành pháp luật về quản lý tài nguyên khoáng sản của một số doanh nghiệp còn yếu kém, chưa tự giác chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Để tiếp tục thực hiện tốt chính sách, pháp luật về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nội dung quy định của pháp luật về khoáng sản, Đề án “*Tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020*” và phương án

bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thẩm định việc lập, thi công đề án thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản, kiểm kê trữ lượng khoáng sản để điều chỉnh, bổ sung và trình phê duyệt quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật. Rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tăng cường quy mô, vốn đầu tư phù hợp với nhu cầu thị trường, hạn chế tối đa tình trạng khai thác nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu.

- Chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện quy trình, phương pháp xác định và quản lý sản lượng khai thác khoáng sản theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tăng cường các biện pháp để ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản trái phép.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trong việc cấp giấy phép khai thác mỏ; xử lý nghiêm các đơn vị hoạt động khoáng sản không chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu, tăng cường bố trí cán bộ có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhiều hoạt động khoáng sản.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động khoáng sản, đảm bảo các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh, công khai và minh bạch. Nghiên cứu sớm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.

- Chỉ đạo tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành có liên quan với chính quyền địa phương thực hiện phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Hằng năm, chỉ đạo xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thống nhất giữa các ngành, các cấp đối với hoạt động khoáng sản. Tăng cường thanh tra trách nhiệm đối với người đứng đầu, đồng thời kiêm nhiệm trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm.

- Nghiên cứu, sớm có chỉ đạo giải quyết dứt điểm các kiến nghị của một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

- Chỉ đạo giải quyết dứt điểm một số tồn tại trong hoạt động khoáng sản và báo cáo kết quả giải quyết với Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ 10, cụ thể:

+ Đối với 32 mỏ đã được cấp phép nhưng vẫn chưa thực hiện khai thác: Chỉ đạo đóng cửa mỏ đối với 02 mỏ; hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện thủ tục trả lại giấy phép khai thác đối với 03 mỏ; chỉ đạo tiến hành kiểm tra, làm rõ nguyên nhân để xử lý theo quy định của pháp luật đối với 27 mỏ còn lại (*Biểu số 01*).

+ Đối với 26 mỏ giấy phép đã hết hạn nhưng chưa được cấp lại hoặc chưa thực hiện các thủ tục để đóng cửa mỏ: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc 07 mỏ đẩy nhanh việc thực hiện các thủ tục cấp lại giấy phép; 19 mỏ lập hồ sơ, thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ, đồng thời yêu cầu các đơn vị cam kết về tiến độ thực hiện, trường hợp các đơn vị vi phạm cam kết, xử lý theo quy định của pháp luật (*Biểu số 02*).

+ Chỉ đạo kiểm tra, rà soát để có biện pháp giải quyết đối với các mỏ mà giấy phép vẫn còn hiệu lực, đã thực hiện khai thác nhưng hiện tại đang dừng khai thác.

+ Về công tác quản lý đất đai: Thực hiện kiểm tra, rà soát lại toàn bộ diện tích đất đã cấp phép cho các mỏ khoáng sản để giải quyết dứt điểm các vướng mắc, vi phạm trong quản lý đất đai. Chỉ đạo tiến hành thanh tra, kiểm tra để xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các đơn vị được cấp phép, đã tiến hành khai thác nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất, chưa nộp tiền thuê đất theo quy định.

+ Đối với 65 đơn vị khai thác khoáng sản chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước: Chỉ đạo kiên quyết và có các chế tài xử lý nghiêm khắc để yêu cầu các đơn vị này thực hiện nghĩa vụ với nhà nước theo quy định (*Biểu số 03*).

+ Chỉ đạo giải quyết dứt điểm hoạt động xả thải gây ô nhiễm môi trường tại Mỏ sắt Cây Thị của Chi nhánh Công ty CP Kim Sơn; Mỏ sắt Linh Nham; việc sụt lún, mất nước sản xuất và sinh hoạt của nhân dân (Mỏ sắt Trại Cau); tình trạng Moong Thác Lạc (đã dừng khai thác) của Mỏ sắt Trại Cau đang có nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng tới tính mạng và tài sản của nhân dân quanh khu vực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2018. / *Tho*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Ban Công tác ĐBQH (Báo cáo);
- Văn phòng Quốc hội (Báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài Nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

DANH SÁCH CÁC MỎ ĐƯỢC CẤP PHÉP NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN KHAI THÁC TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2017

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)
I	Chỉ đạo đóng cửa mỏ (02 mỏ)			
	HTX Công nghiệp và Vận tải Chiến Công			
1	Mỏ sắt Văn Hào	Xã Hoá Trung và xã Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ	2936/GP-UBND ngày 06/12/2010; 7,5 năm	Sắt 12.600 tấn
	Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát			
2	Mỏ đá vôi Làng Giai	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	20/GP-UBND ngày 07/01/2014; 30 năm	Đá vôi 8.910.000 m ³
II	Hướng dẫn, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện thủ tục trả lại giấy phép khai thác (03 mỏ)			
	Công ty CP Khai khoáng miền núi			
3	Mỏ than Suối Huyền	Xã An Khánh và xã Cù Vân, huyện Đại Từ	2371/GP-UBND ngày 14/10/2010; 23 năm	Than 870.483 tấn
4	Mỏ than Xóm 11	Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ	1572/GP-UBND ngày 09/7/2010; 13 năm	Than 118.095 tấn
	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc			
5	Mỏ sét Khe Mo	Xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ	1403/QĐ-UBND ngày 08/7/2006; 23,5 năm	Sét xi măng 2 005 000 tấn

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)
III	Các mỏ đề nghị chỉ đạo kiểm tra, xử lý theo quy định (27 mỏ)			
	Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico			
6	Mỏ thiếc gốc Tiểu khu phía Nam khu Tây Núi Pháo	Xã Hà Thượng, xã Hùng Sơn, xã Tân Thái, huyện Đại Từ	1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017; 13 năm 10 tháng	Thiếc 245.750 tấn
	Công ty CP Kim Sơn			
7	Mỏ than Giang Tiên	Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	1611/GP-UBND ngày 28/6/2011; 10 năm	Than 5.785 tấn
	Công ty TNHH Bê tông Xây dựng Việt Cường			
8	Mỏ đá xóm Mới	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	1257/GP-UBND ngày 20/5/2011; 30 năm	Đá vôi 2.441.000 m ³
	Công ty TNHH Doanh Trí			
9	Mỏ cát sỏi xóm Ngược	Xã Nhã Lộng và xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	2531/GP-UBND ngày 21/8/2017; 10 năm	Cát sỏi 354.323 m ³
	Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát			
10	Mỏ cát sỏi xóm Đình, xóm Vân Trai, xóm Hương Đình	Xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên	99/GP-UBND ngày 19/01/2012; 14,2 năm	Cát sỏi 312.365 m ³
11	Mỏ đá vôi La Hiên 2	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	21/GP-UBND ngày 07/01/2014; 30 năm	Đá vôi 8.972.316 m ³
12	Mỏ đá vôi La Hiên 1	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	22/GP-UBND ngày 07/01/2014; 30 năm	Đá vôi 5.346.000 m ³

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)
	Công ty TNHH Đức Vạn Thông Thái Nguyên Việt Trung			
13	Mỏ thiếc Đông Núi Pháo	Xã Cù Vân, huyện Đại Từ	1497/GP-UBND ngày 20/6/2011; 16,5 năm	Thiếc 72.358 tấn
14	Mỏ thiếc La Bằng	Xã La Bằng, huyện Đại Từ	1577/GP-UBND ngày 24/6/2011; 16,4 năm	Thiếc 71.879 tấn
	Công ty TNHH Thương mại Cường Phúc			
15	Mỏ đá vôi Nước Lạnh	Xã Tân Long và xã Quang Sơn, huyện Đông Hy	282/GP-UBND ngày 23/02/2012; 30 năm	Đá vôi 1.155.685 m ³
	Công ty TNHH Đầu tư sản xuất và Thương mại Thành Hưng			
16	Mỏ đá cát kết La Hiến	Xã La Hiến, huyện Võ Nhai	1623/GP-UBND ngày 28/6/2011; 30 năm	Đá cát kết 985.000 m ³
	Công ty TNHH An Lộc			
17	Mỏ đá vôi Tân Long	Xã Tân Long, huyện Đông Hy	854/GP-UBND ngày 11/4/2017; 28 năm 8 tháng	Đá vôi 1.383.668 m ³
	HTX Xây dựng và Vận tải Hoa Bằng			
18	Mỏ đá vôi Lịch Sơn	Xã La Hiến, huyện Võ Nhai	1333/GP-UBND ngày 30/5/2011; 26,6 năm	Đá vôi 786.927 m ³
	Công ty CP Bất động sản và Khoáng sản Đại Việt			
19	Mỏ đá vôi Trúc Mai 1	Xã Lâu Thượng và xã La Hiến, huyện Võ Nhai	1332/GP-UBND ngày 30/5/2011; 30 năm	Đá vôi 13.035.000 m ³

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)
Công ty CP Đầu tư khai thác khoáng sản Thái Lâm				
20	Mỏ đá vôi Vạn Xuân	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	1654/GP-UBND ngày 29/6/2011; 25 năm	Đá vôi 2 387 583 m ³
Công ty CP Đại hữu và Phát triển dầu khí				
21	Mỏ đá vôi La Đồng	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	1620/GP-UBND ngày 28/6/2011; 30 năm	Đá vôi 11.600.000 m ³
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội				
22	Mỏ đá vôi Lũng Chò 2	Xã Quang Sơn và xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	1683/GP-UBND ngày 30/6/2011; 30 năm	Đá vôi 1.392.000 m ³
Công ty CP Đức Chung Thái Nguyên				
23	Mỏ đá vôi Hang Trai 2	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	598/GP-UBND ngày 15/3/2017; 30 năm	Đá vôi 5.134.049 m ³
Công ty TNHH Xây dựng Mai Linh				
24	Mỏ cát sỏi khu vực phường Phố Cò	Phường phố Cò, thành phố Sông Công và xã Minh Đức, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	3555/GP-UBND ngày 14/11/2017; 10 năm	Cát sỏi 200.454 m ³
Công ty CP Bảo Khánh Thái Nguyên				
25	Mỏ cát sỏi khu vực Bồng Lai	Xã Thượng Đình và xóm Ngược, xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	2204/GP-UBND ngày 24/7/2017; 10 năm	Cát sỏi 148.398 m ³

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)
Công ty CP Đầu tư xây dựng Công nghiệp Hà nội				
26	Mỏ cát sỏi khu vực xóm Nga My	Xã Nga My và xóm Đồng Ngọc, xã Hà Châu, huyện Phú Bình	1982/GP-UBND ngày 03/7/2017; 10 năm	Cát sỏi 699.193 m ³
Công ty TNHH Xây dựng Phú Thành				
27	Mỏ cát sỏi khu vực suối Kèn	Xã Lục Ba, xã Vạn Thọ và xã Ký Phú, huyện Đại Từ	2872/GP-UBND ngày 21/9/2017; 10 năm	Cát sỏi 230.571 m ³
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thủ đô Gió Ngàn				
28	Mỏ vàng gốc, deluvi khu vực Đèo Cánh, Lũng Địa Chất	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	2268/GP-UBND ngày 01/9/2015; 29 năm	Vàng gốc, deluvi 147.892 tấn
HTX Công nghiệp và Vận tải Chiến Công				
29	Mỏ vàng gốc Khau Âu	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	1725/QĐ-UBND ngày 31/7/2008; 24,5 năm	Vàng gốc 181.667 tấn
Công ty TNHH Mỏ Nhân Thịnh				
30	Mỏ cát sỏi khu vực Sông Cầu	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ; xã Vô tranh, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	1652/GP-UBND ngày 29/6/2011; 29 năm	Cát sỏi 2.502.286 m ³
Công ty TNHH Hải Thành				
31	Mỏ cát sỏi khu vực xã Tân Cương	Xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên và xã Bình Sơn, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công	2934/GP-UBND ngày 01/11/2016; 13 năm 4 tháng	Cát sỏi 591.621 m ³
Công ty CP Vận tải xây dựng Tân Hưng Thịnh				
32	Mỏ đất san lấp núi Choẹt	Xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên	2751/GP-UBND ngày 11/9/2017; 09 năm 10 tháng	Đất san lấp 1.851.058 m ³

DANH SÁCH CÁC MỎ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC ĐÃ HẾT HIỆU LỰC
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)	Diện tích đất được cấp phép (ha)
I	Các mỏ đề nghị đẩy nhanh thực hiện thủ tục để cấp lại giấy phép khai thác (07 mỏ)				
	Công ty CP Vinasunny				
1	Mỏ đồng Khau Vàng	Xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai	398/GP-UBND ngày 21/02/2011; 05 năm	Đồng 91.542 tấn	41,83
	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đại Long Giang				
2	Mỏ Barit Hồng Lê	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	845/GP-UBND ngày 04/4/2011; 03 năm	Barit 5.150 tấn	0,65
	Công ty TNHH Quang Trung				
3	Mỏ sét Làng Bún	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	856/GP-UBND ngày 23/4/2009; 03 năm	Sét gạch ngói 188.281 m ³	1,124
	Công ty TNHH Mai Linh C				
4	Mỏ cao lanh Phú Lạc	Xã Phú Lạc, huyện Đại Từ	1606/GP-UBND ngày 28/6/2011; 05 năm	Cao lanh 162.000 tấn	2
	Công ty CP Cơ khí 3-2 Thái Nguyên				
5	Mỏ cao lanh Phú Lạc	Xã Phú Lạc, huyện Đại Từ	3067/GP-UBND ngày 14/12/2010; 05 năm	Cao lanh 240.000 tấn	3

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)	Diện tích đất được cấp phép (ha)
Công ty CP Kim Sơn					
6	Mỏ đá vôi Làng Mới 2	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	2157/GP-UBND ngày 20/9/2010; 05 năm	Đá vôi 180.000 m ³	8,121
Công ty TNHH Đại Phúc					
7	Mỏ đất xóm Bờ Lờ	Xã Vinh Sơn, thành phố Sông Công	1116/GP-UBND ngày 29/4/2011; 05 năm	Đất san lấp 455.000 m ³	8
II	Các mỏ đề nghị đẩy nhanh thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ (19 mỏ)				
HTX Công nghiệp và Vận tải Chiến Công					
8	Mỏ đá vôi Xuân Hoà	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	3034/GP-UBND ngày 13/12/2010; 05 năm	Đá vôi 160.000 m ³	9,621
9	Mỏ đá vôi Trúc Mai	Xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai	3035/GP-UBND ngày 13/12/2010	Đá vôi 160.000 m ³	8,606
10	Mỏ chì kẽm Lũng Đình-Lũng Sấu	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	677/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm	Chì kẽm 44.053 tấn	15
11	Mỏ chì kẽm Khuổi Chạo	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai	676/GP-UBND ngày 29/3/2010 05 năm	Chì kẽm 20.206 tấn	20,83
12	Mỏ chì kẽm Khuổi Mèo	Xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai	679/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm	Chì kẽm 14.318 tấn	13,12
13	Mỏ chì kẽm Khuôn Vạc	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	680/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm	Chì kẽm 7.388 tấn	9,5
14	Mỏ chì kẽm Đán Deng	Xã Thần Sa, huyện Võ Nhai	681/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm	Chì kẽm 24.418 tấn	6,3

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)	Diện tích đất được cấp phép (ha)
15	Mỏ chì kẽm Bó Toòng - Lũng Áp	Xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai	678/GP-UBND ngày 29/3/2010; 05 năm	Chì kẽm 60.582 tấn	38,14
16	Mỏ sắt Đuồm	Xã Động Đạt, huyện Phú Lương	475/QĐ-UBND ngày 12/3/2008; 6,5 năm	Sắt 197.710 tấn	18,5
Công ty CP Măng gan Chiến Thắng					
17	Mỏ đá vôi Làng Giai 2	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	1560/GP-UBND ngày 22/6/2011; 05 năm	Đá vôi 160.000 m ³	9,885
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp (thuộc Tổng Công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam)					
18	Mỏ đất sét Xóm Huyện	Phường Phố Cò, thành phố Sông Công	2813/QĐ-UBND ngày 31/10/2003; 10 năm	Sét gạch ngói 767.500 m ³	11,7
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi					
19	Mỏ chì - kẽm Bàn Tèn	Xã Văn Lăng, huyện Đông Hỷ	2339/QĐ-UBND ngày 02/10/2008; 06 năm	Chì kẽm 56.107 tấn	5,6
Công ty TNHH Thương mại Cường Phúc					
20	Mỏ photphorit Hang Dơi	Xã Tân Long và xã Quang Sơn, huyện Đông Hỷ	2783/QĐ-UBND ngày 06/12/2007; 4,5 năm	Photphorit 11.873 tấn	4,8
Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Bất động sản Anh Thắng					
21	Mỏ vàng sa khoáng Làng Nhâu	Xã Liên Minh, huyện Võ Nhai	1616/GP-UBND ngày 28/6/2011; 05 năm	Vàng sa khoáng 145.640 m ³	30,8

Số TT	Tên doanh nghiệp/ Tên mỏ	Vị trí mỏ được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp, thời hạn cấp	Loại khoáng sản được cấp khai thác, trữ lượng (tấn, m ³)	Diện tích đất được cấp phép (ha)
Công ty TNHH Xây dựng và Đào tạo Á Châu					
22	Mỏ đất Ao Lác	Xã Yên Lạc, huyện Phú Lương	78/GP-UBND ngày 13/01/2016; 01 năm	Đất san lấp 96.000 m ³	0,97
23	Mỏ đất Đồng Tiến	Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	80/GP-UBND ngày 13/01/2016; 01 năm	Đất san lấp 96.000 m ³	1,08
24	Mỏ đất Quang Trung 1	Xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương	79/GP-UBND ngày 13/01/2016; 01 năm	Đất san lấp 81.000 m ³	0,97
Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc					
25	Mỏ chì kẽm Núi Vuốt	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	2163/GP-UBND ngày 04/9/2009; 05 năm	Chì kẽm 105,500 tấn	3,5
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn					
26	Nước khoáng La Hiên, Lỗ khoan 407	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai	2019/GP-BTNMT ngày 10/12/2008 (2207/GP-ĐCKS ngày 28/9/2001); 10 năm	Nước khoáng	

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN CHƯA HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TÍNH ĐẾN 31/12/2017

(Kèm theo Nghị quyết số **12**/NQ-HĐND ngày **08** /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
1	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn; địa chỉ: Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	24.804	12.282	1.295	11.227	-	-	Ngân sách nhà nước đang nợ tiền xi măng của Công ty thuộc đối tượng được bù trừ nợ thuế; ngày 18/7/2018, Công ty đã nộp thuế giá trị gia tăng 9,5 tỷ đồng
2	Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Bất động sản Anh Thắng; địa chỉ: Số nhà 214, tổ 30, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	13.300	-	-	13.300	-	-	Ngày 27/07/2018, Công ty đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 33 triệu đồng
3	Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công; địa chỉ: Khối phố 3, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái	130.487	29.217	18.661	32.402	1.821	48.386	Tháng 8/2018, Hợp tác xã đã nộp 1,5 tỷ đồng của thuế giá trị gia tăng, đã thực hiện cưỡng chế hóa đơn
4	Công ty TNHH Doanh Trí, địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Quang Đạt, đường Phù Liên, tổ 19, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	937	204	-	733	-	-	
5	Công ty CP Tập đoàn Đông Á; địa chỉ: Thôn Trảng Bạch, xã Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	3.345	26	30	3.284	-	5	Ngày 5/4/2018, Công ty đã nộp 62 triệu đồng
6	Công ty TNHH XNK Tổng hợp Bắc Sông Cầu Thái Nguyên; địa chỉ: Xóm 5, thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	342	-5	-	347	-	-	

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
7	Công ty TNHH Thương Mại và Xây dựng Tập Trung; địa chỉ: Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	991	496	65	231	-45	244	Công ty nộp thừa 45 triệu đồng; năm 2018, Công ty đã nộp 161,6 triệu đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế
8	Công ty CP Đầu tư TM Xây dựng Hòa Phát; địa chỉ: Số 31 đường Hoàng Văn Thụ, tổ 25, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	3.294	225	-	2.037	-	1.032	Năm 2018, Công ty đã nộp 973 triệu đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
9	Công ty TNHH TM và DV Đồng Phú; địa chỉ: Xóm Na Oai, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	3.218	165	335	2.047	-	671	Ngày 24/5/2018, Công ty đã nộp 10 triệu đồng
10	Công ty TNHH Sơn Thắng; địa chỉ: Xóm Xuân Hòa, xã La Hiên, huyện Võ Nhai (Trước đây là công ty CP xây dựng giao thông 1 Thái Nguyên)	275	174	67	-	-	34	Công ty đã nộp số còn nợ trong năm 2018 là 182 triệu đồng, trong đó: Thuế tài nguyên 60 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng 77 triệu đồng; phí bảo vệ môi trường 45 triệu đồng
11	Doanh nghiệp TN Tâm Thúy, địa chỉ: Phố Giang Bình, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	1.145	276	2	423	-	444	Đã có quyết định thu hồi dự án
12	Hợp tác xã Tiến Hào; địa chỉ: Xóm Tân Thịnh, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	903	-	-	651	-	252	
13	Công ty CP Tấm lợp và VLXD Thái Nguyên; Km2 - Quốc lộ 1B (Thái Nguyên đi Lạng Sơn), tổ 5; phường Chùa Hang; thành phố Thái Nguyên; tỉnh Thái Nguyên	4.054	2.507	-	321	-	1.226	Năm 2018, Công ty đã nộp tiền thuế 231 triệu đồng; tiền khác 56 triệu đồng, đã thực hiện cưỡng chế hóa đơn

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
14	Công ty TNHH Đông Việt Thái Nguyên; địa chỉ: Xóm Núi Hột, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1.195	247	166	-	-	782	Ngày 8/02/2018, Công ty đã nộp xong tiền nợ thuế và phí
15	HTX Khai thác và Sản xuất VLXD Quyết Thắng; địa chỉ: Tổ dân phố Trung, phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	443	1	-	-	442	-	
16	Công ty TNHH Đại Hữu và Dầu khí; địa chỉ: Xóm Hưng Thịnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	72	22	1	30	19	-	Công ty đã nộp hết tiền nợ thuế trong tháng 02 và tháng 6/2018 là 72 triệu đồng
17	Công ty TNHH Kim loại màu Việt Bắc, địa chỉ: Khu CN nhỏ Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	448	-	-	347	101	-	
18	Công ty CP Khai khoáng miền núi; địa chỉ: Số 280/1, đường Bắc Kạn, Tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	38.134	11	-	37.848	-	275	Công ty đang có kiến nghị tính lại trữ lượng, đề nghị trả lại 02 mỏ than. Trong tháng 01/2018 Công ty đã nộp là 3,889 tỷ đồng
19	Công ty CP Khoáng sản & CN Cao Bằng; địa chỉ: Phường phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	94	-	-	-	94	-	
20	Công ty CP xi măng Cao Ngạn; địa chỉ: Phường Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	192	-	-	-	192	-	Công ty đang làm thủ tục trả mỏ
21	Công ty CP Khoáng sản An Khánh; địa chỉ: Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	4.404	218	291	3.895	-	-	Ngày 17/5/2018, Công ty nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1,2 tỷ đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách					Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất		Các khoản khác
22	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đại Long Giang; địa chỉ: Tổ 33, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	27	-	-	-	27	-	
23	Chi nhánh tại Thái Nguyên - Công ty CP Đầu tư bất động sản và Khoáng sản Đại Việt; địa chỉ: Xóm Dộc Lầy, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	684	-	44	640	-	-	Công ty đã nộp hết nợ trong tháng 01 và tháng 3/2018 là 684 triệu đồng
24	Công ty CP Vật liệu XD Bắc Thái; địa chỉ: Xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	3.817	452	144	3.221	-	-	
25	Công ty CP Gang Hoa Trung, địa chỉ: Số 440 đường Dương Tự Minh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	3.995	-	-	3.995	-	-	Công ty đang ngừng hoạt động
26	Công ty CP đá ốp lát và VLXD; địa chỉ: Phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	551	235	22	-	294	-	Tháng 01/2018, Công ty đã nộp hết số nợ là 551 triệu đồng
27	Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu XD Đại Việt; địa chỉ: Số nhà 748A, Tổ 12, Phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên; tỉnh Thái Nguyên	14.031	55	-	13.976	-	-	Công ty có văn bản đề nghị được trả lại một phần của mỏ
28	Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát; địa chỉ: Tổ 6, Hồ Khu Tây, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	5.275	141	-	3.857	-	1.277	

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
29	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi; địa chỉ: Số 598, đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	2.120	-	-	1.863	-	257	
30	Công ty CP Cơ khí 3-2 Thái Nguyên; địa chỉ: 299 đường Dương Tự Minh, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	228	-	-	-	-	228	
31	Công ty CP Cơ điện Luyện Kim - Mỏ đá Núi Voi; Tổ 25, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	4.618	-	-	4.652	-34	-	Năm 2018, Công ty đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 1,3 tỷ đồng
32	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc; địa chỉ: Tổ 3, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	39.516	35.588	487	3.318	123	-	Công ty giải thể theo Quyết định số 1754/QĐ-BQP ngày 22/5/2017 của Bộ Quốc phòng
33	Công ty TNHH Đức Vạn Thông Thái Nguyên Việt Trung; địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Phố Cò, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	3.128	2.367	-	761	-	-	Ngày 27/6/2018, Công ty đã nộp thuế giá trị gia tăng 50 triệu đồng
34	Công ty CP Gang Thép Gia Sàng; địa chỉ: Số 880, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	9.794	327	251	7.503	249	1.464	Năm 2018, Công ty đã nộp 1,416 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
35	Công ty CP Đầu tư và XD Hà Nội; địa chỉ: Tổ 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	17.837	-	-	12.120	-	5.717	Đã cường chế hóa đơn, đề nghị thu hồi giấy phép khai thác

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
36	Công ty Bảo Khánh Thái Nguyên; địa chỉ: Số 123B, ngõ 50 đường Phố Hương, tổ 11, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	7	-	-	-	-	7	
37	Công ty TNHH Hải Thành; địa chỉ: Số 153, tổ 9, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	4	-	-	-	-	4	
38	CTCP Vật liệu & Xây dựng Tân Long; địa chỉ: Phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	265	-	-	-	265	-	
39	Công ty CP Thương mại Đại Lâm; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	436	436	-	-	-	-	Công ty đã nộp hết số nợ 436 triệu đồng trong năm 2018
40	Công ty TNHH Khai Khoáng Dũng An Phát; địa chỉ: Xóm Thù Lâm, xã Tiên Phong, thị xã Phổ yên, tỉnh Thái Nguyên	174	167	7	-	-	-	Ngày 23/01/2018, Công ty đã nộp hết số nợ 174 triệu đồng
41	CN Doanh nghiệp TN Việt Cường; địa chỉ: Xóm Na Lay, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	69	53	13	-	-	3	Doanh nghiệp đã nộp hết số nợ 69 triệu đồng vào ngày 18/01/2018 và 27/02/2018
42	Doanh nghiệp Ngọc Tú; địa chỉ: Phố Giang Bình, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	353	53	17	152	-	131	Năm 2018, Doanh nghiệp đã nộp 152 triệu đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; 14 triệu đồng tiền phí bảo vệ môi trường; 63 triệu đồng tiền thuế tài nguyên
43	Cty TNHH XNK Thương Mại Vinh Thịnh; địa chỉ: Xóm 9, xã Cỏ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	164	164	-	-	-	-	

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
44	CN Nhà máy gạch tuynel Phú Lộc; địa chỉ: Xóm Cống Đôn, xã Cỗ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	38	26	6	-	-	6	
45	Công ty TNHH Đức Thắng; địa chỉ: Thôn Na què, xã Phụng Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	498	185	74	239	-	-	
46	Công ty TNHH Thương mại Cường Phúc; địa chỉ: Xóm La Oai, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	1.630	-	-	1.630	-	-	
47	Công ty CP Thái Sơn; địa chỉ: Xóm Tân Lập, thị trấn Sông Cầu, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	133	120	11	-	-	2	Ngày 27/2/2018, Công ty đã nộp hết số nợ 133 triệu đồng
48	Công ty TNHH Lãng Hoa; địa chỉ: Xóm Ngòi Chẽo, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	72	62	8	-	-	2	Trong năm 2018, Công ty đã nộp hết số nợ 72 triệu đồng
49	Công ty TNHH Chiến Thắng; địa chỉ: Xóm Xuân Quang 2, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	351	197	82	-	-	72	Ngày 01/2/2018, Công ty đã nộp số tiền 318,2 triệu đồng
50	Công ty TNHH Hải Bình; địa chỉ: Xóm An Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	5.993	-67	-	4.668	-	1.392	
51	Hợp tác xã Quân Sơn; địa chỉ: Xóm Tân Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	61	51	8	-	-	2	Trong năm 2018, Hợp tác xã đã nộp hết số nợ 61 triệu đồng
52	Doanh nghiệp tư nhân Chiến Oanh; địa chỉ: Xóm Tiên Phong, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	37	33	3	-	-	1	Ngày 31/1/2018, Doanh nghiệp đã nộp hết số nợ 37 triệu đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
53	Công ty TNHH Bình Dương; địa chỉ: Xóm Phố, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	1.260	561	363	-	-	336	Trong năm 2018, Công ty đã nộp số còn nợ là 1,1 tỷ đồng, trong đó: Thuế tài nguyên 635 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng 35 triệu đồng; phí bảo vệ môi trường 320 triệu đồng, các khoản khác 110 triệu đồng
54	Công ty CP thương mại và đầu tư xây dựng Tân Lập; địa chỉ: Tổ 11, đường Thanh niên xung phong, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	1.094	602	191	185	29	87	Trong năm 2018, Công ty đã nộp số còn nợ là 839,7 triệu đồng, trong đó: Thuế tài nguyên 500 triệu đồng, phí bảo vệ môi trường 335 triệu đồng, các khoản khác 4,7 triệu đồng
55	Công ty TNHH Thương mại khai khoáng Hoàng Long; địa chỉ: Xóm Yên Ngựa, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	41	28	7	-	-	6	
56	Công ty TNHH Xây dựng và Đào tạo Á Châu; địa chỉ: Số 97 A ngõ 35 đường Phan Đình Phùng, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	2.120	1.023	697	-	-	400	Đã đóng cửa mỏ
57	Công ty CP Quốc Cường Mê Linh; địa chỉ CN: Xóm Nón, xã Nhã Lộ, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	1.964	52	13	1.898	-	1	
58	Công ty CP XD và SX vật liệu Thái Nguyên; địa chỉ: Tổ 15, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	779	68	3	582	-	126	Trong năm 2018, Công ty đã nộp hết số nợ 779 triệu đồng
59	Công ty CP Kim Sơn; địa chỉ: Tổ 15, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	33	-	-5	33	-	5	

STT	Tên Doanh nghiệp	Các khoản chưa nộp ngân sách						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Thuế	Phí, Lệ phí	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tiền thuê đất	Các khoản khác	
60	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Thương mại Thành Hưng; địa chỉ: Số 177 Lê Hồng Phong, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	4.556	-	-	4.556	-	-	
61	Công ty TNHH Minh Hiền VHC; địa chỉ: Tổ 2, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	3.276	-	7	3.269	-	-	Ngày 22/3/2018, Công ty đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 727 triệu đồng
62	Công ty CP Đại hữu và Phát triển dầu khí, địa chỉ: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	7.123	-14	14	7.123	-	-	Chưa có quyết định thuê đất, gặp khó khăn trong giải phóng mặt bằng
63	HTX Xây dựng và Vận tải Hoa Bằng; địa chỉ: Xóm Phố, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	1.014	548	2	464	-	-	Chủ Hợp tác xã đã bỏ trốn - Thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh số 797/TB-CCT ngày 02/10/2016 của Chi cục Thuế Võ Nhai
64	Công ty CP Đầu tư và SX Công nghiệp; địa chỉ: Số 574, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ 15, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	5.720	5.720	-	-	-	-	
65	Công ty TNHH Phương Nhung; địa chỉ: Số 413, đường Cách Mạng Tháng Tám, tổ 1 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên; tỉnh Thái Nguyên	10	-	-	-	10	-	
	Tổng cộng	376.973	95.299	23.382	189.828	3.587	64.877	

